

KHUYẾN NGHỊ

MUA

CTCP PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU - CTCP (HSX: DCM)
LỢI NHUẬN TẠO ĐÁY

Giá hiện tại:	28,750
Giá mục tiêu trước:	
Giá mục tiêu mới:	34,000
Tỷ suất cổ tức	6%
Tiềm năng tăng giá	18%

Ngày viết báo cáo:	18/07/2023	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	391	Vietnam Oil & Gas Gr	75.6%
Vốn hóa (tỷ VND)	12,562	PVFC CAPITAL	5.0%
Thanh khoản BQ 30n (Triệu)	1.89	CTBC VIETNAM AEQ FUN	3.2%
Sở hữu nước ngoài	16.47%	Truswell Securities	3.2%

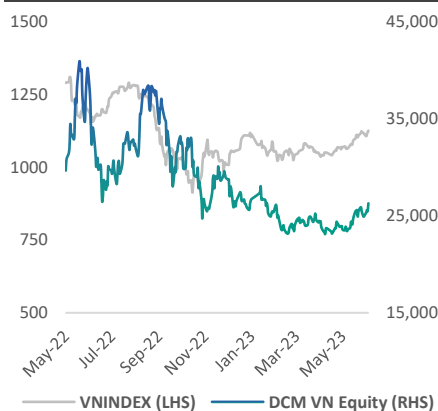
Bộ phận Research:

Lưu Thuỳ Linh
(Điện, Phân bón – Hoá chất)
Linhlt2@bsc.com.vn

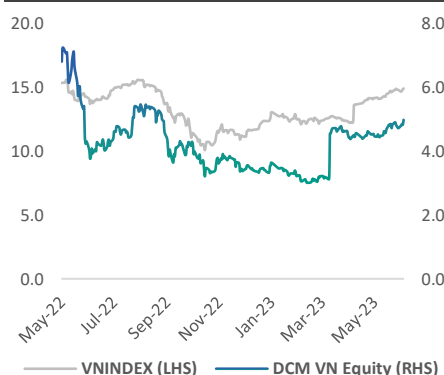
QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu **DCM** với giá trị hợp lý **2023F – 2024F** là **34,000 VNĐ/CP** (Upside 18% so với giá đóng cửa ngày 18/07/2023), dựa trên phương pháp định giá P/E với tỷ lệ mục tiêu bằng 8.3x tương đương mức trung vị 5Y. DCM là một trong **những doanh nghiệp phân bón hàng đầu với triển vọng cải thiện lợi nhuận mạnh mẽ trong 2024F (+113% YoY)** cùng bảng cân đối kế toán lành mạnh với lượng tiền mặt lớn chúng tôi cho rằng **DCM là lựa chọn hấp dẫn**.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



TRIỂN VỌNG KINH DOANH

- **Lợi nhuận tạo đáy trong 2023** do giá các loại phân bón đã giảm mạnh và tạo mức nền mới do giá nguyên liệu đầu vào tăng;
- **Lợi nhuận phục hồi từ 2024** nhờ nhu cầu phân bón cải thiện trong bối cảnh **chi phí khấu hao giảm mạnh** (đóng góp 85% tăng trưởng lợi nhuận ròng 2024);
- Kỳ vọng tỷ suất cổ tức cải thiện từ 6% lên 8% - 10% và được đảm bảo nhờ sở hữu lượng tiền mặt lớn cùng cơ cấu tài chính lành mạnh.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo **DTT và LNST** của DPM trong năm 2032 lần lượt đạt **10,655 tỷ VND (-33% YoY)** và **1,039 tỷ VND (-76% YoY)** tương đương **EPS fw 2023 = 1,916 VNĐ/CP, P/E fw 2023 = 13.7x**. Dựa trên các giả định:

- (1) Sản lượng kinh doanh Ure đạt 845 nghìn tấn (+0.1% YoY);
- (2) Giá bán Ure bình quân đạt 10,340 VNĐ/kg (-34% YoY);
- (3) Giá khí bình quân cả năm đạt mức 9.20 USD/MMBTU (+10% YoY)

Dự báo 2024: DTT = 10,716 tỷ VND (+1% YoY) và LNST = 2,213 tỷ VND (+113% YoY), EPS 2024F = 4,079 VNĐ/CP, P/E fw 2024 = 6.7x dựa trên các giả định:

- (1) Sản lượng kinh doanh Ure và giá bán bình quân đi ngang so với cùng kỳ, lần lượt đạt: 821 nghìn tấn (+1% YoY) và 9,455 VNĐ/kg (+1% YoY);
- (2) Giá khí bình quân đạt 9.16 USD/MMBTU (-0.4% YoY);
- (3) Chi phí khấu hao giảm 1,000 tỷ VND (-68% scvk) nhờ nhà máy Đạm Cà Mau hết khấu hao.

RỦI RO

- Rủi ro giảm giá: sản lượng bán thấp hơn ước tính do nhu cầu phục hồi chậm và giá khí đầu vào tăng;
- Rủi ro tăng giá: giá khí tại EU tăng cao khiến sản lượng ure sản xuất giảm kéo theo giá Ure thế giới tăng.

Chỉ số	2022	2023F	2024F	VNIndex	KQKD	2021	2022	2023F	2024F
PE (x)	3.3	13.7	6.7	14.6	Doanh thu thuần	9,870	15,925	10,655	10,716
PB (x)	1.3	1.4	1.2	1.7	Lợi nhuận gộp	2,781	5,703	1,712	2,886
PS (x)	0.9	1.4	1.4	1.3	NPATMI	1,823	4,316	1,039	2,213
ROE (%)	41%	10%	19%	13%	EPS	3,073	7,701	1,916	4,079
ROA (%)	34%	7%	14%	2%	Tăng trưởng EPS	202%	151%	-75%	113%

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

Cập nhật ĐHCĐ 2023

Bảng: Kế hoạch kinh doanh 2023 DCM

Sản lượng kinh doanh	Đơn vị	KH 2023	TH 2022	%YoY	Nhận xét
Ure	Nghìn tấn	760	844	-10%	DCM đặt kế hoạch sản lượng kinh doanh Ure giảm -10% YoY và sản lượng NPK tăng gần gấp đôi svck
NPK	Nghìn tấn	160	84	91%	
Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	211	123	71%	
Tổng doanh thu	Tỷ VND	13,459	15,925	-15%	DCM đặt kế hoạch DTT và LNST lần lượt giảm -15% và -68% svck. Kế hoạch này <u>cao hơn ước tính của BSC</u> do chúng tôi giả định: (1) giá bán Ure bình quân thấp hơn -6.4%; (2) sản lượng kinh doanh NPK thấp hơn do nhu cầu tiêu thụ NPK chậm
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VND	1,461	4,596	-68%	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	1,383	4,316	-68%	

Nguồn: DCM, BSC Research

Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022/23

DCM đặt kế hoạch chia cổ tức tiền mặt 16%, mỗi cổ phiếu nhận 1,600 VND cổ tức tiền mặt, tương ứng tỷ suất cổ tức 2023F đạt 6%.

ĐHCĐ đã thông qua tờ trình sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán khí

Từ 01/01/2023 trở đi:

- Lượng Khí Thuộc Quyền Nhận Của PVN phân bổ đều cho Nhà Máy Đạm Cà Mau, Các Nhà Máy Điện Cà Mau và Nhà Máy GPP Cà Mau theo tỷ trọng tiêu thụ thực tế hàng tháng.

Giá khí nguồn PVN = 46% x HSFO (từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2027)

- Lượng khí còn thiếu sẽ được bổ sung bằng Khí Bổ Sung

Giá khí bổ sung = Bảng 12.7% x Brent (từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 31/12/2026)

= Bảng 13.7% x Brent (từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2031)

So với quy định cũ, tỷ lệ phân bổ nguồn khí từ PVN và khí bổ sung lần lượt là 90%/10%, BSC dự phóng tỷ lệ nguồn khí bổ sung sẽ tăng lên kéo theo giá khí đầu vào của DCM tăng lên ([chi tiết phần sau](#)).

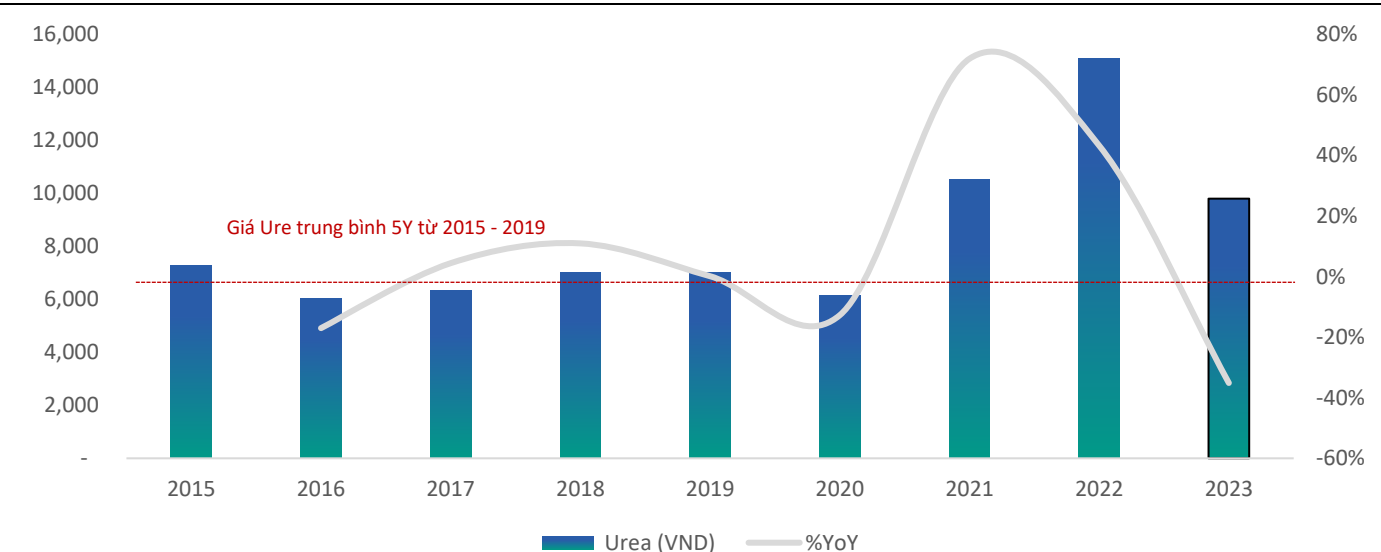
TRIỂN VỌNG KINH DOANH

Lợi nhuận tạo đáy trong 2023 do giá các loại phân bón đã giảm mạnh và tạo mức nền mới do giá nguyên liệu đầu vào tăng

Giá Ure đã giảm từ mức nền cao 2022, giá bình Ure bình quân Q1/2023 giảm -44% YoY và chúng tôi kỳ vọng mức giá này sẽ thiết lập mức đáy của năm 2023. BSC cho rằng giá **Ure đã thiết lập một mặt bằng giá mới thay vì tiếp tục giảm về mức trung bình 2015 – 2019** do giá khí đầu vào hiện đã tăng mạnh so với giai đoạn trước khiến chi phí sản xuất Ure tăng cao.

Đồng thời, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu Ure trong nước sẽ cải thiện do giá Ure đã về mức hợp lý và giá lúa gạo neo ở mức cao sẽ kích thích nhu cầu sử dụng phân bón của nông dân.

Hình: Giá bán Ure giảm từ mức nền cao 2022 tuy nhiên vẫn cao hơn mức trung bình 5Y từ 2015 - 2019



Nguồn: DCM, BSC Research

Tăng tỷ trọng sử dụng khí từ nguồn Petronas khiến chi phí đầu vào tăng

Từ 01/01/2023 phần khí phân bổ cho DCM được đề xuất dựa trên tỷ trọng linh hoạt giữa 2 nguồn khí PVN Việt Nam và Petronas (Malaysia) theo tỷ trọng tiêu thụ thực tế hàng tháng.

Bảng: Công thức tính giá khí DCM – tỷ trọng khí phân bổ thực tế hàng tháng giữa 2 nguồn PVN & Petronas

	2019 - 2021		01/01/2023 – 31/12/2026		01/01/2027 – 31/12/2031	
	Tỷ trọng nguồn	Giá khí	Tỷ trọng nguồn	Giá khí	Tỷ trọng nguồn	Giá khí
PVN – Việt Nam	90%	46% x HSFO	Tỷ trọng phân	46% x HSFO	Tỷ trọng phân	46% x HSFO
Petronas - Malaysia	10%	12.7% x Brent	bổ thực tế hàng tháng	12.7% x Brent	bổ thực tế hàng tháng	13.7% x Brent

Nguồn: DCM, BSC Research

Chúng tôi lưu ý, giá khí mua từ Petronas dựa trên giá dầu Brent nên có khả năng giá khí sẽ cao hơn so với khí mua từ PVN. Theo đó, tỷ trọng khí mua từ Petronas tăng sẽ làm tăng giá khí đầu vào của DCM. Tuy nhiên, theo DCM trong kịch bản xấu nhất (*không phải là kịch bản chúng tôi dự đoán sẽ xảy ra*), 50% nguồn khí của DCM sẽ từ PVN và 50% sẽ từ Petronas vì sản lượng khí từ cụm mỏ PM3-CAA được chia đều với tỷ lệ 50:50 giữa PVN và Petronas.

BSC dự báo giai đoạn 2023-2025 tỷ trọng nguồn khí đầu vào của DCM lần lượt là 70%:30% từ nguồn PVN và Petronas. Trong kịch bản cơ sở này, phản ánh tỷ trọng nguồn mới từ 2 nguồn cấp khí, BSC dự báo:

- Giá khí 2023F = 9.2 USD/MmbTU (+9.4% YoY)
- Giá vốn hàng bán tăng ~400 tỷ VND – tương ứng tăng +4.7%
- Biên lợi nhuận gộp giảm 3.8% về mức 16%

Bảng: Kịch bản ước tính thay đổi tỷ trọng nhập khí 2023F

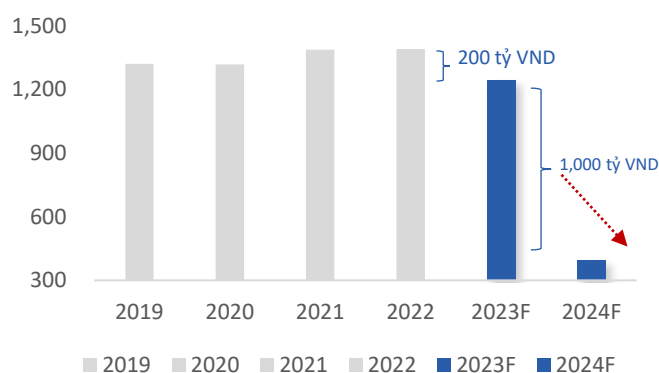
Đơn vị (Tỷ VND)	Tỷ lệ 2022	Kịch bản tích cực	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tiêu cực
Tỷ lệ PVN - Malaysia (%)	90% - 10%	80% - 20%	70% - 30%	50% - 50%
Giá khí (USD/MmBTU)	8.04	8.07	9.20	11.49
COGS	(8,353)	(8,626)	(8,943)	(9,560)
Lợi nhuận gộp	2,302	2,029	1,712	1,095
<i>Biên LN gộp</i>	22%	19%	16%	10%
Lợi nhuận ròng HĐKD cốt lõi	1,588	1,316	1,043	473
Thay đổi LNR so với tỷ lệ 2022	-	(273)	(545)	(1,115)
% LNR so với tỷ lệ 2022	100%	-17%	-34%	-70%

Nguồn: BSC Research

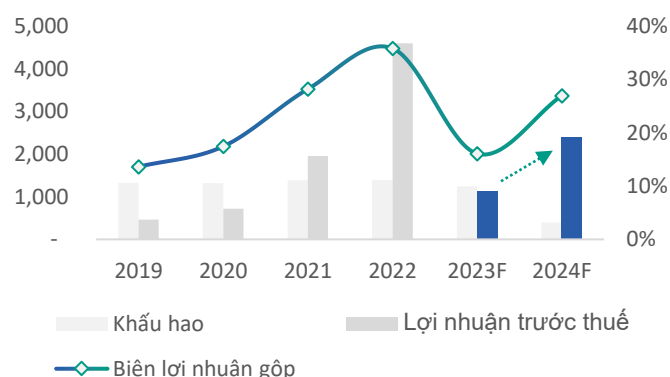
Chi phí khấu hao giảm bù đắp cho chi phí đầu vào tăng giúp lợi nhuận tạo đáy trong 2023F và phục hồi từ 2024F

Nhà máy Đạm Cà Mau sẽ hết khấu hao từ cuối 2023, BSC ước tính chi phí khấu hao sẽ giảm khoảng 1,000 tỷ VND/năm và lợi nhuận DCM đã tạo đáy trong 2023F trước khi phục hồi mạnh mẽ từ 2024F.

Hình: Khấu hao giảm đáng kể từ 2024F (Tỷ VND)



Hình: Lợi nhuận tạo đáy trong 2023F và phục hồi từ 2024F nhờ biên lợi nhuận cải thiện mạnh từ



Nguồn: DCM, BSC Research

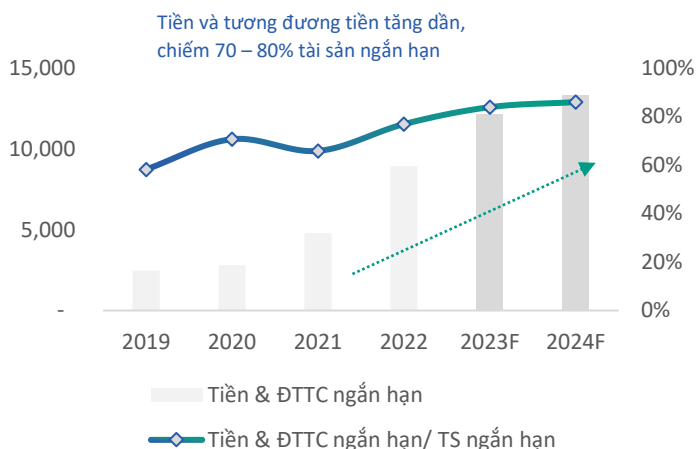
Nguồn: DCM, BSC Research

Cơ cấu tài chính lành mạnh và dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định là điểm sáng và kỳ vọng nâng tỷ lệ cổ tức từ 2024F

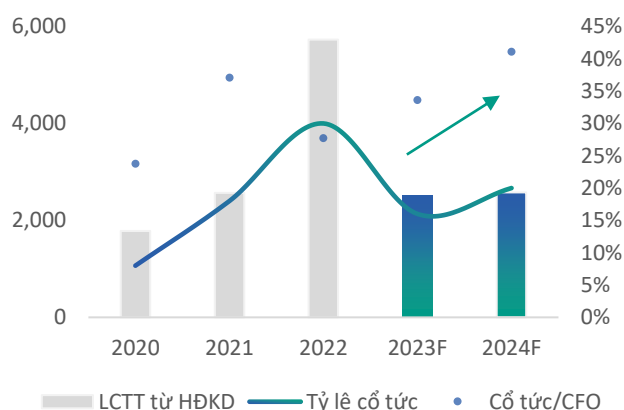
DCM sở hữu bảng cân đối kế toán lành mạnh, không có nợ vay dài hạn và lượng tiền mặt & ĐTTC ngắn hạn lớn hơn 9,200 tỷ VND tại cuối Q1/2023 (chiếm 67% vốn hoá thị trường). Bên cạnh tình hình tài chính lành mạnh, với dự phóng hoạt động kinh doanh DCM đã chạm đáy trong 2023F, BSC ước tính dòng tiền hoạt động kinh doanh của DCM sẽ đạt trên mức 2,000 tỷ VND mỗi năm.

Với dự phóng lợi nhuận cải thiện mạnh mẽ từ 2024F cùng dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định, BSC kỳ vọng DCM sẽ nâng tỷ lệ cổ tức lên 20% - 25% từ 2024F tương ứng mức tỷ suất cổ tức là 8% - 10% (so với tỷ lệ cổ tức 2023F là 16%, tương ứng tỷ suất cổ tức 6%).

Hình: Tài sản ngắn hạn chủ yếu là tiền & ĐTTC ngắn hạn (Tỷ VND)



Hình: Dòng tiền HĐKD ổn định, duy trì trên 2,000 tỷ VND/năm kỳ vọng cải thiện tỷ lệ cổ tức



Nguồn: DCM, BSC Research

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo **DTT và LNST** của DPM trong năm 2023 lần lượt đạt **10,655 tỷ VND (-33% YoY)** và **1,039 tỷ VND (-76% YoY)** tương đương **EPS fw 2023 = 1,916 VND/CP, P/E fw 2023 = 13.7x**. Dựa trên các giả định:

- (4) Sản lượng kinh doanh Ure đạt 845 nghìn tấn (+0.1% YoY);
- (5) Giá bán Ure bình quân đạt 10,340 VND/kg (-34% YoY);
- (6) Giá khí bình quân cả năm đạt mức 9.20 USD/MMBTU (+10% YoY)

Dự báo 2024: DTT = 10,716 tỷ VND (+1% YoY) và LNST = 2,213 tỷ VND (+113% YoY) dựa trên các giả định:

- (2) Sản lượng kinh doanh Ure và giá bán bình quân đi ngang so với cùng kỳ, lần lượt đạt: 821 nghìn tấn (+1% YoY) và 9,455 VND/kg (+1% YoY);
- (4) Giá khí bình quân đạt 9.16 USD/MMBTU (-0.4% YoY);
- (5) Chi phí khấu hao giảm -68% scvk nhờ nhà máy Đạm Cà Mau hết khấu hao.

Bảng: Ước tính kết quả kinh doanh DPM năm 2023 - 2024

	Đơn vị	TH 2022	Ước tính 2023	Ước tính 2024	%YoY 2023	%YoY 2024
Sản lượng kinh doanh						
Ure	Nghìn tấn	791	808	821	+3%	+1%
NPK	Nghìn tấn	129	137	175	+7%	+27%
Tài chính						
Tổng doanh thu	Tỷ VND	15,925	10,655	10,716	-33%	+1%
Lợi nhuận gộp	Tỷ VND	5,703	1,712	2,886	-70%	+69%
Chi phí khấu hao	Tỷ VND	(1,391)	(1,245)	(396)	-10%	-68%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VND	4,316	1,039	2,213	-76%	+113%

Nguồn: BSC Research

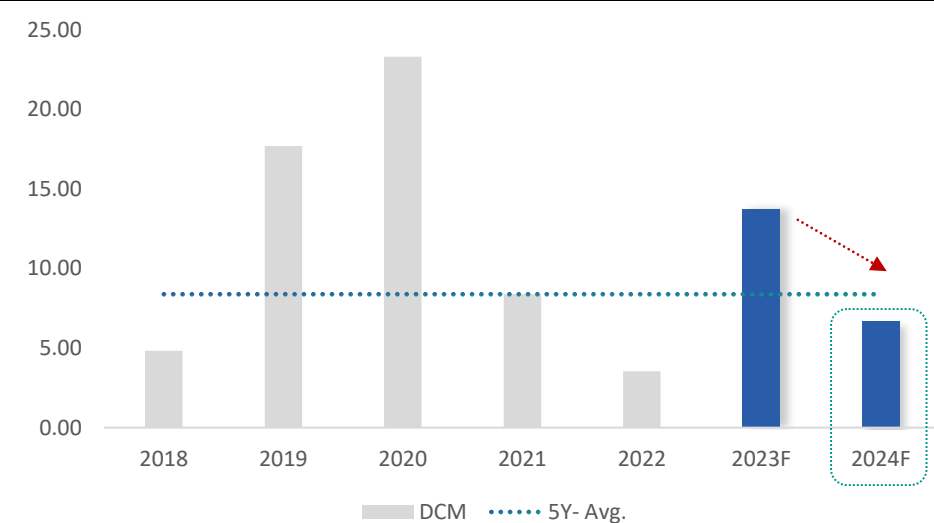
RỦI RO

- Rủi ro giảm giá: sản lượng bán thấp hơn ước tính do nhu cầu trong nước phục hồi chậm và giá khí đầu vào tăng;
- Rủi ro tăng giá: giá khí tại EU tăng cao khiến sản lượng ure sản xuất giảm kéo theo giá Ure thế giới tăng.

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

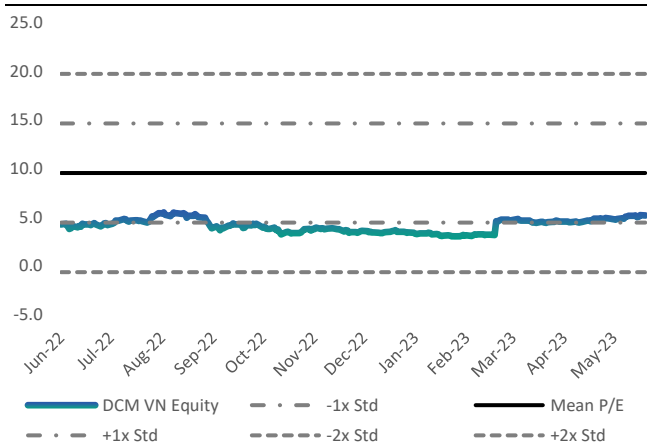
Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu **DCM** với giá trị hợp lý **2023F – 2024F** là **34,000 VNĐ/CP** (Upside 22% so với giá đóng cửa ngày 18/07/2023), dựa trên phương pháp định giá P/E với tỷ lệ mục tiêu bằng 8.3x tương đương mức trung vị 5Y. DCM là một trong những doanh nghiệp phân bón hàng đầu với triển vọng cải thiện lợi nhuận mạnh mẽ trong 2024F (+113% YoY) cùng bảng cân đối kế toán lành mạnh với lượng tiền mặt lớn chúng tôi cho rằng DCM là lựa chọn hấp dẫn.

Hình: DCM đang giao dịch với P/E fw 2024F chiết khấu -20% so với mức trung vị 5Y

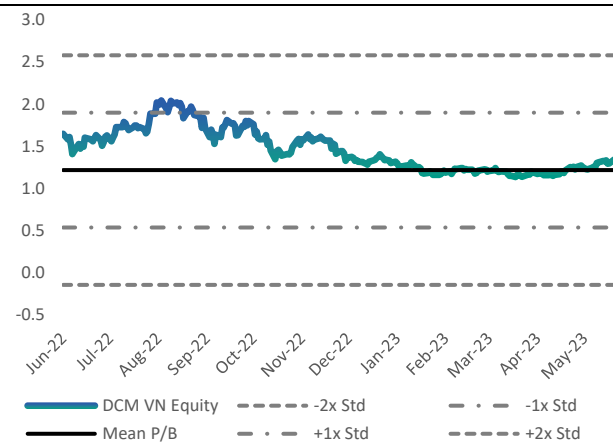


Nguồn: DPM, BSC Research

Hình: Định giá P/E



Hình: Định giá P/B



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần	9,870	15,925	10,655	10,716
Giá vốn hàng bán	(7,089)	(10,221)	(8,943)	(7,829)
Lợi nhuận gộp	2,781	5,703	1,712	2,886
Chi phí bán hàng	(420)	(698)	(520)	(524)
Chi phí QLDN	(528)	(653)	(420)	(404)
Lãi/lỗ HĐKD	1,955	4,593	772	1,958
Doanh thu tài chính	168	301	403	487
Chi phí tài chính	(45)	(60)	(53)	(62)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	2	3	3	3
Lợi nhuận trước thuế	1,956	4,596	1,125	2,387
Thuế thu nhập DN	(130)	(275)	(82)	(167)
LNST công ty mẹ	1,823	4,316	1,039	2,213
CĐTS	3	5	3	7
EBITDA	3,218	5,751	2,017	2,355
EPS	3,073	7,701	1,916	4,079

CĐKT (Tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
Tiền & TĐT	428	2,126	2,591	2,534
Đầu tư ngắn hạn	4,362	6,812	9,757	11,190
Phải thu ngắn hạn	187	188	179	170
Tồn kho	2,204	2,283	2,023	1,879
TS ngắn hạn khác	95	216	130	134
TS ngắn hạn	7,276	11,624	14,679	15,907
TS hữu hình	3,406	2,207	2,023	2,024
Khấu hao	1,386	1,398	1,245	396
TS dở dang dài hạn	66	33	-	-
ĐT dài hạn	-	-	-	-
TS dài hạn khác	324	303	194	237
TS dài hạn	3,796	2,543	2,217	2,261
Tổng Tài sản	11,072	14,167	15,935	16,796
Nợ phải trả	795	1,028	2,285	1,992
Vay ngắn hạn	689	3	744	748
Nợ ngắn hạn khác	1,703	1,843	1,505	1,549
Tổng Nợ ngắn hạn	3,187	2,874	4,535	4,289
Vay dài hạn	3	1	1	1
Nợ dài hạn khác	405	686	686	686
Tổng Nợ dài hạn	407	687	687	687
Tổng Nợ	3,594	3,561	5,221	4,976
Vốn góp	5,294	5,294	5,294	5,294
LN chưa phân phối	1,188	3,018	3,016	3,880
Vốn chủ khác	966	2,260	2,374	2,616
Cổ đông thiểu số	27	29	29	30
Tổng Vốn chủ sở hữu	7,478	10,605	10,713	11,820
Tổng nguồn vốn	11,072	14,167	15,935	16,796
SLCP lưu hành (Triệu)	529	529	529	529

LCTT (Tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
(Lỗ)/LNST	1,956	4,596	1,125	2,387
Khấu hao và phân bổ	(1,388)	(1,391)	(1,245)	(396)
Thay đổi vốn lưu động	2,095	4,381	10,398	1,463
Điều chỉnh khác	84	749	193	250
LCTT từ HĐKD	2,569	5,732	2,517	2,568
Tiền chi mua TSCĐ	(838)	(192)	37	(42)
Đầu tư khác	(1,264)	(2,193)	(2,736)	(1,273)
LCTT từ HĐ đầu tư	(2,102)	(2,385)	(2,700)	(1,315)
Tiền chi trả cổ tức	(2,118)	(847)	(847)	(1,059)
Tiền thu khác	1,569	(784)	1,496	(251)
LCTT từ HĐ Tài chính	(549)	(1,631)	649	(1,310)
Dòng tiền đầu kỳ	510	428	2,143	2,591
Dòng tiền cuối kỳ	428	2,143	2,591	2,534

Chỉ số	2021	2022	2023F	2024F
Khả năng thanh toán				
Hố TT ngắn hạn	2.4	4.5	4.8	5.7
Hố TT nhanh	1.7	3.6	4.1	5.0
Cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/TTS	32%	25%	32%	28%
Hệ số Nợ/VCSH	48%	34%	47%	39%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	78.2	80.1	55.1	90.9
Số ngày phải thu	7.5	4.3	6.3	5.9
Số ngày phải trả	90.4	86.9	109.3	156.6
CCC	-4.7	-2.5	-50.9	-59.7
Tỷ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	28%	36%	16%	27%
Lợi nhuận LNST	18%	27%	10%	21%
ROE	24%	41%	10%	19%
ROA	18%	34%	7%	14%
Định Giá				
PE	10.7	3.3	14.2	6.7
PB	2.6	1.3	1.3	1.2
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	31%	61%	-33%	1%
Tăng trưởng EBIT	285%	238%	-82%	254%
Tăng trưởng LNNT	173%	135%	-76%	112%
Tăng trưởng EPS	302%	251%	-75%	113%

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự VND ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84439352722

Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84838218885

Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

